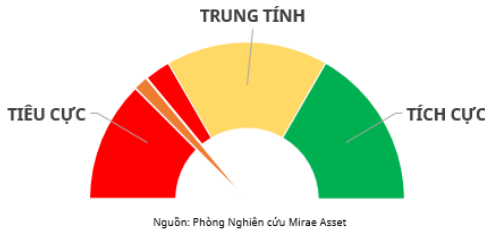


Thang đo sức mạnh thị trường



14 Tháng Một 2022

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Thị trường “hỗn loạn” sau 2 thông tin tiêu cực cùng được công bố trong tuần

Trong tuần 10-14/01, NĐT đã đón nhận 2 tin xấu có ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý thị trường chung. Khởi đầu tuần với thông tin về việc giao dịch “chui” cổ phiếu FLC của ông Trịnh Văn Quyết đã dẫn đến áp lực bán mạnh tại nhóm cổ phiếu liên quan (FLC, ROS, ART...), cũng là nhóm được NĐT chú ý trong thời gian gần đây. Tiếp theo đó là thông tin về việc Tân Hoàng Minh quyết định bỏ cọc lô 3-12 tại Thủ Thiêm đã kéo theo hiệu ứng bán tháo với các các doanh nghiệp BĐS. Tuy nhiên do mức ảnh hưởng của 2 nhóm này đến VN-Index không quá lớn nên chỉ số chỉ mất 32,46 điểm, tương ứng giảm 2,12% so với tuần trước, chốt tuần tại 1.496,02.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình của dòng Bất động sản như DIG, FLC với các mức giảm 16,7% và 28,6% trong tuần đã lọt vào nhóm 10 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số với mức ảnh hưởng lần lượt -2,6 điểm và -1,2 điểm. VHM và VIC là 2 mã ảnh hưởng lớn nhất với mức ảnh hưởng -3,7 điểm và -3,6 điểm. Bên chiều tăng điểm, 3 mã ngân hàng quốc doanh là BID, VCB và CTG đã trở thành cứu cánh quan trọng cho chỉ số với mức ảnh hưởng lần lượt +6,7 điểm, +4,0 điểm và +2,8 điểm.

Khối ngoại có tuần mua ròng gần 800 tỷ đồng trên cả 2 sàn, đáng chú ý khi gần như toàn bộ giá trị mua ròng của tuần tập trung trong phiên cuối tuần. Có vẻ như khối này đã tranh thủ mua vào nhiều cổ phiếu BĐS trong nhịp hoảng loạn vừa qua, cụ thể như VHM (214 tỷ đồng), KDH (207 tỷ đồng), DXG (197 tỷ đồng).

Chịu ảnh hưởng của yếu tố tin tức nhưng VN-Index vẫn đang duy trì được ngưỡng MA 20 ngày (1.494) giúp xu hướng ngắn hạn của chỉ số vẫn chưa tiêu cực. VN-Index đang trong xu hướng đi ngang và cần duy trì vùng 1.465 – 1.495 trong tuần sau. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 17,4 lần

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,496.02	-2.12	1.35	25.99
HNX	466.86	-5.46	2.68	110.04
UPCOM	112.22	-2.93	0.12	44.34
MSCI EM	1,263.30	3.03	3.37	-7.84
NIKKEI	28,124.28	-1.28	-1.08	-2.00
HANG SENG	24,359.03	3.68	3.06	-14.52
KOSPI	2,921.92	-1.12	-2.21	-7.24
FTSE	7,563.85	1.05	4.78	11.20
S&P 500	4,659.03	-0.79	0.54	22.75
NASDAQ	14,806.81	-1.82	-2.83	12.92

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.43	2.75	16.01
SET INDEX	15.30	1.79	7.77
JCI INDEX	25.12	2.22	7.85
PCOMP INDEX	23.93	1.78	7.69

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.93	0	13	-12
10 năm	2.09	-1	1	-18

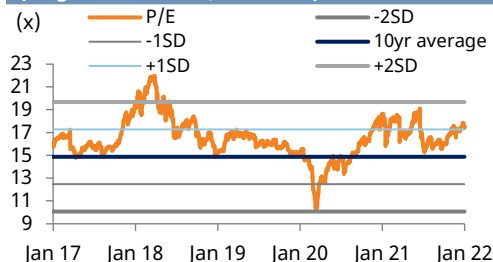
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,711	-0.02	1.24	1.51
US\$/KRW	1,187	1.20	-0.40	-7.52
US\$/JPY	114	1.56	-0.07	-8.77
US\$/EUR	0.87	-0.93	-1.84	5.99
US\$/GBP	0.73	-1.03	-3.66	-0.33
US\$/SGD	1.34	0.86	1.93	-1.39

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	920	1,233	899
HNX	117	152	130
UPCOM	72	92	68

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần KBNN đã huy động thành công 4.935 tỷ đồng, tương đương 70,5% tổng lượng gọi thầu bao gồm đấu thầu lần đầu và đấu thầu bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu đạt 2,3 lần, giảm nhẹ so với mức 2,4 lần của tuần trước. Kết quả chi tiết như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 1.935/ 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,08% (+1bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.500/ 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,36% (+1bps) và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,96%. Duy nhất 500 tỷ đồng kỳ hạn 7 năm thất bại hoàn toàn dù tỷ lệ chào mua đạt 1.450 tỷ đồng
- Tuần sau vào ngày 19/01 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 12/01, lãi suất liên ngân hàng đã giảm tại hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể kỳ hạn O/N giảm 38 bps về mức 1,09%, kỳ hạn 1 tuần giảm 42 bps về mức 1,54%, kỳ hạn 2 tuần giảm 35 bps về mức 1,71%, kỳ hạn 1 tháng giảm 39 bps về mức 2,15%, kỳ hạn 3 tháng giảm 43 bps về mức 2,49%. Chiều ngược lại, kỳ hạn 6 tháng tăng 46 bps lên mức 3,39%.
- Tỷ giá VND/USD của NHNN tại ngày 14/01 trong tuần đã giảm 0,242% về mức 23.082 VND/USD. Tỷ giá NHTM đi ngang tại mức 22.540 – 22.850 VND/USD. Trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.520 – 23.550, tăng lần lượt 0,128% ở chiều mua và 0,085% ở chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

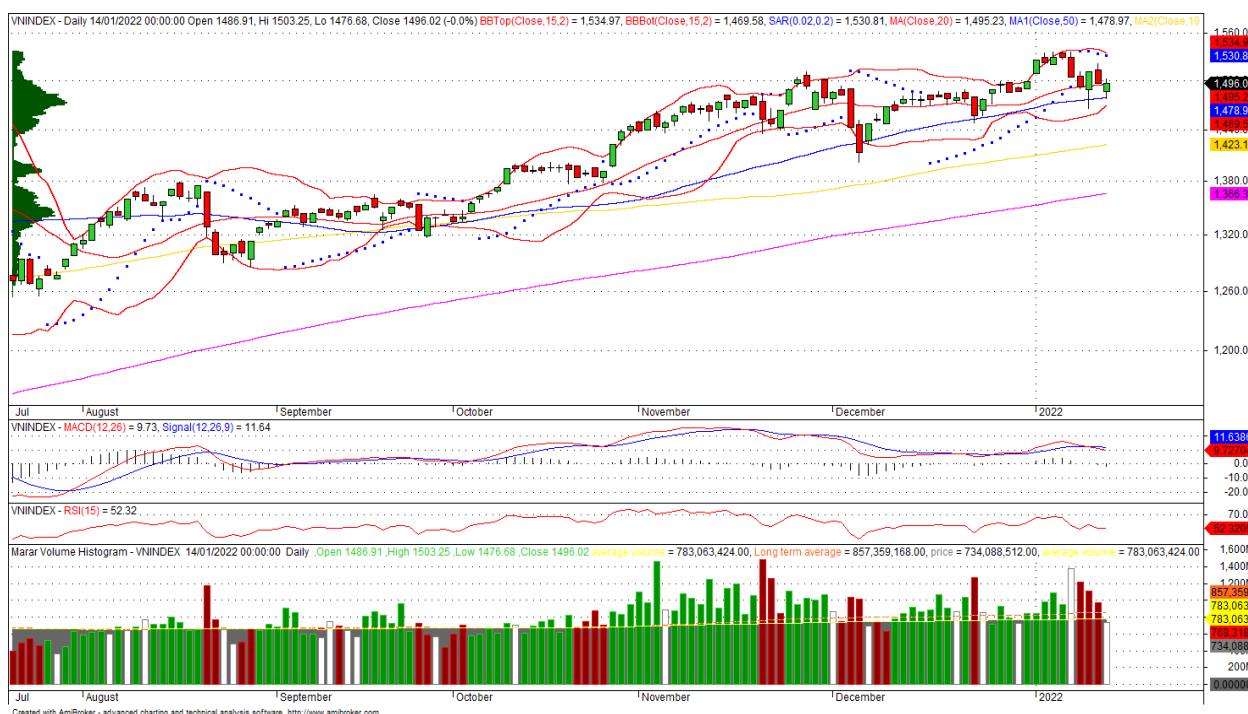
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (14/01/2022)	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.550
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.430

VN-Index tiếp tục đi ngang và tích lũy quanh MA20 ngày của mình, thanh khoản vẫn duy trì với mức ổn định

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



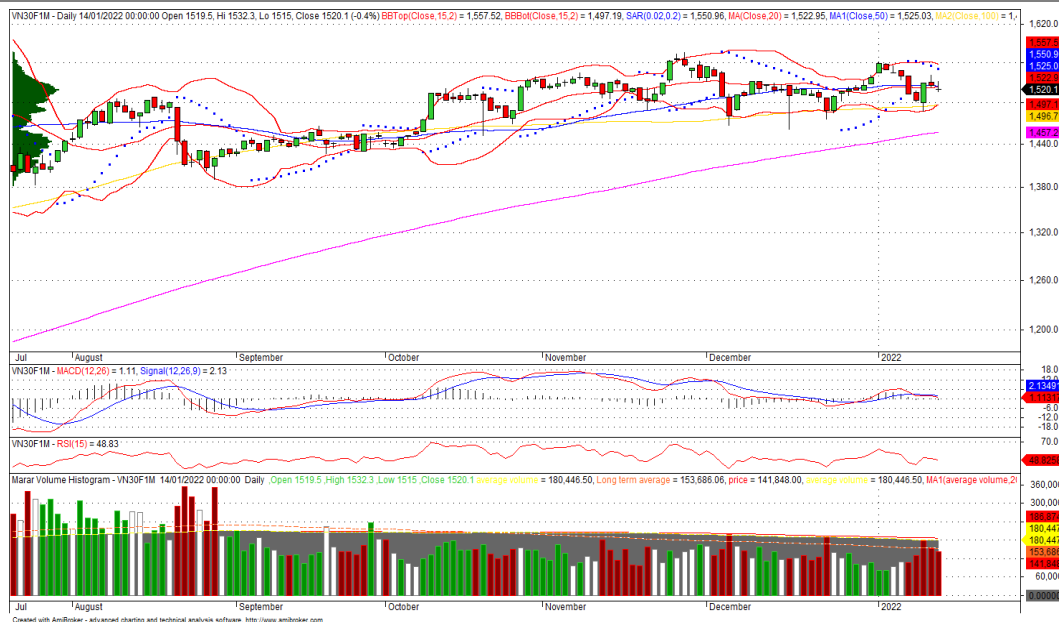
Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (14/01/2022)	1,520	Kháng cự 1 1.600
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.523	Hỗ trợ 1 1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3,47	Hỗ trợ 2 1.480
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	TIÊU CỰC

VN30F1M tiếp tục đi ngang và tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ MA20 ngày, bên cạnh đó thứ 5 tuần sau hợp đồng phái sinh VN30F2201 sẽ được đáo hạn vì vậy chúng tôi dự báo sẽ có nhiều biến động quanh mức giá này. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên đứng ngoài quan sát thêm và không nên giải ngân mở vị thế mới.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VCB	Ngân hàng	83,400	1,297,520	99	7	Top sức mạnh ngành
MBB	Ngân hàng	29,650	9,886,705	99	6	Top sức mạnh ngành
BID	Ngân hàng	44,250	3,250,070	90	7	Top sức mạnh ngành
CTG	Ngân hàng	35,450	10,768,750	87	7	Top sức mạnh ngành
STB	Ngân hàng	35,000	26,315,064	88	7	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
STB	35	26,315,064	7	KHẢ QUAN	65,511	18.7	2.0	921
CTG	35.45	10,768,750	7	KHẢ QUAN	170,124	10.3	1.8	382
BID	44.25	3,250,070	7	KHẢ QUAN	223,587	22.7	2.7	144
TSC	20.85	5,455,630	7	KHẢ QUAN	3,078	27.3	1.8	114
VCB	83.4	1,297,520	7	KHẢ QUAN	392,799	18.7	3.6	108
TCB	49.75	8,774,845	6	KHẢ QUAN	175,195	10.0	2.0	437
MBB	29.65	9,886,705	6	KHẢ QUAN	112,027	10.1	2.0	293
HHV	27.67	10,284,995	6	KHẢ QUAN	7,487	48.0	1.2	285
SHB	22.5	11,694,525	6	KHẢ QUAN	60,005	12.3	1.9	263
PVD	31.4	7,325,565	6	KHẢ QUAN	13,223	348.5	1.0	230
HDB	30.6	5,932,995	6	KHẢ QUAN	61,372	10.9	2.2	182
HPG	46.25	16,600,185	4	KHẢ QUAN	207,320	6.5	2.5	768
VPB	34.85	13,443,755	4	KHẢ QUAN	155,369	12.5	2.5	469
NKG	37.3	3,972,500	4	KHẢ QUAN	8,184	3.9	1.5	148
GAS	105.5	972,645	4	KHẢ QUAN	201,156	24.6	4.1	103
L14	435.6	189,170	4	KHẢ QUAN	11,689	219.2	30.4	82
VPI	59.1	1,298,550	4	KHẢ QUAN	13,002	41.3	4.5	77
TPB	41.9	6,981,725	2	TRUNG TÍNH	66,434	12.8	2.7	293
VNM	84.7	1,922,325	2	TRUNG TÍNH	177,019	18.8	5.7	163
LPB	21.8	7,178,065	2	TRUNG TÍNH	26,238	9.5	1.6	156
KDC	53.4	1,939,155	2	TRUNG TÍNH	13,437	26.2	2.2	104
PVX	7.8	11,066,495	2	TRUNG TÍNH	3,160	#N/A N/A	15.1	86
GEX	44.1	21,664,876	0	TRUNG TÍNH	37,551	27.8	3.2	955
HSG	35.45	6,414,105	0	TRUNG TÍNH	17,494	4.2	1.6	227
FCN	32.6	6,150,370	0	TRUNG TÍNH	4,089	34.8	1.8	201
PVS	27.9	7,102,461	0	TRUNG TÍNH	13,335	23.5	1.1	198
KSB	47.5	2,902,390	0	TRUNG TÍNH	3,482	13.8	2.0	138
VIB	45.9	2,839,750	0	TRUNG TÍNH	71,289	12.7	3.2	130
NBB	48.2	2,651,790	0	TRUNG TÍNH	4,828	10.9	2.5	128
FPT	91.3	1,336,600	0	TRUNG TÍNH	83,033	20.5	4.9	122
CTS	44.5	1,688,785	0	TRUNG TÍNH	4,735	15.9	2.9	75

DPG	74.5	934,935	0	TRUNG TÍNH	4,693	12.4	3.8	70
SSI	48.7	14,165,440	-2	TRUNG TÍNH	47,889	22.4	3.5	690
VRE	34.4	10,093,315	-2	TRUNG TÍNH	77,713	36.1	2.6	347
ACB	33.05	4,252,790	-2	TRUNG TÍNH	89,840	9.2	2.1	141
VHG	11	10,536,783	-2	TRUNG TÍNH	1,650	#N/A N/A	8.7	116
MWG	134	854,185	-2	TRUNG TÍNH	95,876	21.9	5.1	114
DRH	29.85	3,218,810	-2	TRUNG TÍNH	1,802	103.2	2.1	96
CII	45.65	11,741,070	-3	TRUNG TÍNH	10,909	3,855.1	2.3	536
BCG	23.35	3,559,985	-3	TRUNG TÍNH	10,421	8.2	2.5	83
JVC	9.98	7,095,835	-3	TRUNG TÍNH	1,123	#N/A N/A	2.5	71
CEO	71.1	8,720,463	-4	TIÊU CỰC	18,297	#N/A N/A	6.6	620
MSN	144.8	4,200,425	-4	TIÊU CỰC	169,997	71.3	7.9	608
DIG	96.6	6,270,895	-4	TIÊU CỰC	48,289	55.0	8.1	606
HAG	14.95	35,255,960	-4	TIÊU CỰC	13,865	#N/A N/A	2.8	527
KBC	57.7	9,052,590	-4	TIÊU CỰC	32,875	33.8	2.1	522
LDG	21.9	18,931,616	-4	TIÊU CỰC	5,244	172.4	1.7	415
DXG	34.6	11,213,025	-4	TIÊU CỰC	20,622	26.6	2.4	388
NLG	56.5	6,574,835	-4	TIÊU CỰC	21,636	13.0	2.5	371
HBC	30.85	10,998,220	-4	TIÊU CỰC	7,479	73.7	2.0	339
PDR	91.8	3,677,550	-4	TIÊU CỰC	45,138	28.3	7.2	338
SCR	22	14,301,795	-4	TIÊU CỰC	8,060	28.6	1.7	315
LCG	24.1	10,339,210	-4	TIÊU CỰC	4,155	12.0	1.9	249
VIC	98.9	2,502,845	-4	TIÊU CỰC	375,575	79.2	3.7	248
IDC	70.8	3,312,382	-4	TIÊU CỰC	21,240	39.0	5.2	235
BSR	23.2	10,020,929	-4	TIÊU CỰC	71,932	#N/A N/A	2.3	232
FIT	13.85	12,611,325	-4	TIÊU CỰC	3,639	24.0	1.1	175
KDH	53.5	3,010,345	-4	TIÊU CỰC	34,397	28.8	3.5	161
TTF	14.1	10,814,480	-4	TIÊU CỰC	4,388	#N/A N/A	#N/A N/A	152
DGC	144.1	1,040,810	-4	TIÊU CỰC	24,653	19.9	5.0	150
SBT	24.1	5,902,300	-4	TIÊU CỰC	15,163	22.6	1.8	142
FRT	88	1,594,250	-4	TIÊU CỰC	6,950	60.8	5.2	140
GVR	35.7	3,701,105	-4	TIÊU CỰC	143,200	28.7	2.9	132
DBC	71.9	1,322,910	-4	TIÊU CỰC	8,286	8.4	1.7	95
CTD	107	855,475	-4	TIÊU CỰC	7,903	147.1	1.0	92
APS	32.3	2,597,695	-4	TIÊU CỰC	2,681	7.6	2.7	84
SZC	70	1,168,115	-4	TIÊU CỰC	7,000	27.2	5.0	82
TNG	32.5	2,442,615	-4	TIÊU CỰC	3,013	14.1	2.1	79
PC1	36.5	1,964,130	-4	TIÊU CỰC	8,583	13.0	1.9	72
VND	72	6,840,160	-5	TIÊU CỰC	31,316	14.2	3.6	492
HQC	8.39	26,281,840	-5	TIÊU CỰC	3,999	949.5	0.9	221
IJC	30.4	5,731,745	-5	TIÊU CỰC	6,600	8.9	2.0	174
KLF	7.1	10,684,504	-5	TIÊU CỰC	1,174	826.4	0.7	76
AMD	7.71	9,202,310	-5	TIÊU CỰC	1,261	47.0	0.7	71
GMD	42.8	1,608,165	-5	TIÊU CỰC	12,899	29.7	2.2	69
VHM	82.2	8,244,240	-6	TIÊU CỰC	357,929	9.3	3.1	678
VCG	50.8	12,769,235	-6	TIÊU CỰC	22,439	39.2	3.4	649
POW	17.7	32,593,550	-6	TIÊU CỰC	41,217	14.3	1.4	577
TCH	23.8	15,998,985	-6	TIÊU CỰC	15,904	19.6	1.7	381

ITA	15.6	20,333,736	-6	TIÊU CỰC	14,638	88.7	1.3	317
SHS	47.5	6,376,990	-6	TIÊU CỰC	15,450	11.6	3.3	303
AAA	18.5	9,917,520	-6	TIÊU CỰC	5,990	17.4	1.3	183
VIX	30.75	5,956,610	-6	TIÊU CỰC	8,444	9.3	2.8	183
VGT	27.2	6,022,808	-6	TIÊU CỰC	13,550	47.5	2.2	164
HCM	41.7	3,817,370	-6	TIÊU CỰC	19,066	15.7	3.3	159
VJC	122	711,940	-6	TIÊU CỰC	65,535	53.7	3.9	87
VGC	52.5	1,601,550	-6	TIÊU CỰC	23,538	24.7	3.6	84
HHS	10.8	7,149,015	-6	TIÊU CỰC	3,472	19.5	0.9	77
ASM	17.25	4,311,160	-6	TIÊU CỰC	5,805	10.1	1.2	74
PVT	23.3	2,870,805	-6	TIÊU CỰC	7,541	9.5	1.5	67
FLC	16.1	35,699,080	-7	TIÊU CỰC	11,431	7.5	1.2	575
ROS	11.25	39,577,160	-7	TIÊU CỰC	6,385	34.9	1.1	445
HNG	10.7	23,610,084	-7	TIÊU CỰC	11,862	210.6	1.8	253
NVL	82	2,958,440	-7	TIÊU CỰC	158,102	45.2	4.6	243
DPM	40.2	5,868,820	-7	TIÊU CỰC	15,732	10.0	1.8	236
DCM	28.95	6,233,225	-7	TIÊU CỰC	15,326	17.0	2.3	180
VCI	62.1	2,638,340	-7	TIÊU CỰC	20,679	14.9	3.3	164
PAN	33.6	4,483,960	-7	TIÊU CỰC	7,019	33.1	1.9	151
DLG	8.11	14,879,295	-7	TIÊU CỰC	2,427	#N/A N/A	1.1	121
SAM	22.7	4,162,040	-7	TIÊU CỰC	8,015	67.1	2.1	94

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

NHTW Hàn Quốc tiếp tục nâng lãi suất để đối phó với lạm phát

Ủy ban Chính sách tiền tệ của NHTW Hàn Quốc (BoK) nâng lãi suất 25 điểm cơ bản lên 1.25%, cao nhất kể từ tháng 3/2020. Đây là động thái được hầu hết chuyên viên phân tích dự báo từ trước.

Hàn Quốc đi tiên phong trong xu hướng rút lại gói kích thích trên toàn cầu khi các NHTW bắt đầu thay đổi quan điểm cho rằng lạm phát chỉ là tạm thời.

Đà tăng của lạm phát ngày càng gây áp lực và buộc các nhà hoạch định chính sách phải hành động, khi lạm phát tiêu dùng của cả năm 2021 tăng lên 2.5%, cao nhất kể từ năm 2011 và vượt dự báo 2.3% của BoK đưa ra trong tháng 11/2021.

Các chuyên viên phân tích hiện nhận thấy chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ hiện tại sẽ chậm lại trong vài tháng tới khi các nhà hoạch định chính sách đánh giá triển vọng tăng trưởng toàn cầu, trong khi các quốc gia đang cố gắng vượt qua đợt bùng phát biến chủng Omicron.

Liên Hợp Quốc dự báo kinh tế toàn cầu 2022 tăng trưởng 4%

Nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 4% trong năm 2022, thấp hơn so với mức 5,5% của năm 2021 và tới năm 2023 sẽ chỉ còn 3,5% trong bối cảnh nhiều làn sóng lây nhiễm COVID-19 đang xảy ra cộng với những thách thức về thị trường lao động, chuỗi cung và lạm phát tăng cao.

Báo cáo này cũng chỉ ra rằng cùng với tình trạng đại dịch đang tiếp diễn, áp lực lạm phát ngày càng cao ở các nền kinh tế phát triển và một số nền kinh tế đang phát triển lớn đang tạo ra nhiều nguy cơ đe dọa tiến trình phục hồi toàn cầu. Lạm phát toàn cầu lên tới 5,2% trong năm 2021, tăng 2 điểm phần trăm so với xu hướng chung trong 10 năm trở lại đây. Báo cáo cũng cảnh báo hậu quả lâu dài của đại dịch sẽ dẫn tới khoảng cách bất bình đẳng giữa các nước ngày càng xa.

Với phần lớn các nước đang phát triển, khả năng có phục hồi hoàn toàn chỉ số GDP bình quân đầu người hay không hiện vẫn còn là dấu hỏi và tình trạng này sẽ vẫn như vậy kể cả trong năm tiếp theo, 2023. Tuy nhiên, chỉ số GDP bình quân đầu người năm 2023 ở các nền kinh tế phát triển nhiều khả năng sẽ phục hồi được tới mức trước khi xảy ra đại dịch.

TP HCM đã nhận văn bản xin bỏ cọc lô đất tại Thủ Thiêm của Tân Hoàng Minh

Ông Đặng Quốc Toàn, Chánh văn phòng UBND TP HCM, cho biết UBND TP đã nhận được văn bản của Tập đoàn Tân Hoàng Minh về việc tự nguyện đơn phương chấm dứt hợp đồng mua lô đất 3-12 thuộc khu chức năng số 3 trong Khu đô thị Thủ Thiêm (TP Thủ Đức, TP HCM).

Chánh văn phòng UBND TP HCM cũng khẳng định việc đấu giá các lô đất được TP tiến hành công khai, đúng quy định.

Trước đó trong phiên đấu giá ngày 10/12/2021, Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Ngôi Sao Việt, thành viên Tập đoàn Tân Hoàng Minh, đã bỏ giá 24.500 tỷ đồng để trúng đấu giá lô đất mang ký hiệu 3-12 (10.060 m²), tương đương mỗi mét vuông có giá trên 2,4 tỷ đồng.

Phiên đấu giá nhận được nhiều ý kiến trái chiều bởi theo nhiều chuyên gia và giới đầu tư, mức giá trúng quá cao, là "không tương" và "điên rồ". Ông Đỗ Anh Dũng sau đó từng chia sẻ tham vọng về việc xây một toà nhà tỷ phú mang tên D'Billionaire tại lô đất này.

Ngày 10/1, ông Đỗ Anh Dũng, Chủ tịch HĐQT Tân Hoàng Minh, đã gửi tâm thư đến Tổng Bí thư và các lãnh đạo Đảng, Nhà nước, xin đơn phương chấm dứt Hợp đồng mua bán đấu giá tài sản lô đất.

HSBC: Lạm phát ít khả năng là mối bận tâm lớn của NHNN trong năm nay, thị trường BĐS có thể thu hút nhiều sự quan tâm hơn

Trong báo cáo "Vietnam at a glance: Kết thúc có hậu cho một năm khó khăn" mới công bố, HSBC nhận định tăng trưởng GDP của Việt Nam đang phục hồi sau khi mở cửa trở lại, tăng 5,2% trong quý IV so với cùng kỳ năm trước, vượt xa mức kỳ vọng của thị trường (HSBC dự báo 3,8%; Bloomberg dự báo 3,9%).

Kết quả quý IV vững vàng giúp tăng trưởng GDP cả năm của Việt Nam đạt 2,6%, đây là mức thấp nhất trong vòng ba thập kỷ qua. Xét cho cùng, 2021 là một năm đầy thách thức của Việt Nam, với bốn tháng giãn cách nghiêm ngặt ở trung tâm thương mại của cả nước.

Khép lại năm 2021, Việt Nam phục hồi vững vàng sau giai đoạn "chạm đáy" tồi tệ nhất, HSBC tin rằng Việt Nam sẽ sớm lấy lại đà tăng trưởng vững vàng trên mọi mặt.

Sau hai năm tăng trưởng chậm lại, HSBC kỳ vọng Việt Nam sẽ tăng tốc tăng trưởng lên 6,5% trong năm 2022. Chính phủ cũng đã đặt mục tiêu GDP năm 2022 tăng 6,5-7%, tương đương với tốc độ tăng trưởng trước đại dịch.

Đối với vấn đề lạm phát, trong khi nền kinh tế từng bước mở cửa trở lại, tác động do áp lực về giá lại diễn ra chậm hơn kỳ vọng khá nhiều.

Lạm phát tháng 12 giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước, chênh lệch so với các mức dự báo (HSBC: 2,1%; Bloomberg: 2,3%; Prior: 2,1%). Kết quả này khiến lạm phát cả năm 2021 đạt mức 1,8%.

Ngoài ra, theo đánh giá của HSBC, lạm phát của Việt Nam sẽ tăng 2,7% vào năm 2022, thấp hơn mức trần 4% của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN).

Ngoài ra, trong bối cảnh lạm phát ít khả năng là một mối bận tâm lớn của NHNN trong năm 2022, tình hình thị trường bất động sản có thể thu hút nhiều sự quan tâm hơn.

Khách bay tăng mạnh, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất tăng chuyến

Thống kê của Cục Hàng không Việt Nam cho biết, giai đoạn từ ngày 29/12/2021 đến ngày 10/1/2022, các hãng hàng không Việt Nam đã khai thác 4.480 chuyến bay, vận chuyển hơn 547.000 khách với hệ số sử dụng ghế trung bình đạt 64%.

Nhu cầu hành khách đi trên đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội và từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc trong giai đoạn này tăng mạnh trở lại với hệ số sử dụng ghế đều đạt trên 70%. Các hãng cũng đã khai thác hết số lượng chuyến bay đã được phân bổ.

Theo đó, đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội, các hãng khai thác với tổng tần suất 25 chuyến bay khứ hồi/ngày với hệ số sử dụng ghế đạt 73%.

Đường bay Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến Đắk Lắk, các hãng khai thác với tổng tần suất 9 chuyến bay khứ hồi/ngày, hệ số sử dụng ghế đạt 85%.

Các đường bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến Lâm Đồng, Hải Phòng, Huế, Gia Lai, Thanh Hóa, Bình Định, Quảng Nam, Quảng Bình và Nghệ An khai thác với tổng tần suất 9 chuyến bay khứ hồi/ngày, hệ số sử dụng ghế trên các đường này đều đạt trên 70% (tháng 12/2021 chỉ đạt khoảng 50-60%).

Theo báo cáo từ hệ thống đặt giữ chỗ của các hãng hàng không, tỷ lệ khách đặt giữ chỗ trên các đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội và từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc tăng trở lại, trái ngược so với dự đoán trước đó của các hãng hàng không.

Tỷ lệ hành khách đặt giữ chỗ trên hệ thống của các hãng đều trên 50%; trong đó, có những thời điểm tỷ lệ này còn lên đến trên 90%.

Đặc biệt, chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Vinh (Nghệ An) của Vietjet Air đạt 91% vào ngày 18/1/2022 và Vietnam Airlines đạt 92% vào ngày 22/1/2022.

Chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Thanh Hóa, tỷ lệ đặt giữ chỗ của Bamboo Airways cao nhất là 87%, Vietjet Air cao nhất là 89% và Vietnam Airlines là 74% hay chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Huế của Vietnam Airlines có tỷ lệ đặt giữ chỗ cao nhất đạt 77% (thời điểm ngày 6/2/2022 đạt 100%), của Vietjet Air cao nhất đạt 85%.

Với kết quả khai thác thời gian vừa qua và tỷ lệ đặt chỗ cho giai đoạn Tết Nguyên đán, có thể thấy nhu cầu đi lại của nhân dân từ Thành phố Hồ Chí Minh về các địa phương trong cả nước vào giai đoạn Tết Nguyên đán đã tăng trở lại và cần được đáp ứng", đại diện Cục hàng không Việt Nam cho hay.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2020 vượt 6,1 triệu tấn

Theo ước tính của liên bộ, xuất khẩu gạo năm 2020 đạt khoảng 6,15 triệu tấn, trị giá đạt khoảng 3,07 tỷ USD.

Mặc dù lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 3,5% so với năm 2019, chủ yếu vì mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhưng trị giá xuất khẩu lại tăng tới 9,3%. Giá xuất khẩu bình quân cả năm ước đạt 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với năm 2019.

Đây là mức giá bình quân năm cao nhất trong những năm gần đây, mang lại lợi ích to lớn cho người dân trồng lúa.

Hòa Phát muốn làm sân golf và đô thị sinh thái 385 ha tại Hải Dương

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) vừa đề nghị UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng sân golf quốc tế và đô thị sinh thái có quy mô khoảng 385 ha, thuộc hai xã Đức Xương, Đoàn Thượng (Gia Lộc) và xã Hồng Đức (Ninh Giang), tỉnh Hải Dương.

Chủ tịch HĐQT Trần Đình Long từng chia sẻ với báo chí rằng phân khúc bất động sản mà doanh nghiệp hướng đến là bất động sản khu công nghiệp, đại đô thị, sân golf với quy mô 300-500 ha, tương đương với các đại đô thị như Ecopark hay Ocean Park hiện nay.

"Hoà Phát sẽ làm bất động sản cao cấp nhưng không phải siêu sang, nhắm đến những người dân có thu nhập trung bình và cao", ông Trần Đình Long chia sẻ.

Trước đó vào cuối năm ngoái, Hòa Phát đã cùng KDI Holdings đề xuất nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn TP Nha Trang và thị xã Ninh Hòa, bao gồm: Quy hoạch phân khu dọc hai bên bờ sông Cái và phát triển các dự án tại TP Nha Trang; vùng kinh tế động lực công nghiệp - đô thị - dịch vụ Ninh Hòa tại các xã Ninh Xuân, Ninh Sim, Ninh Tây với đầy đủ chức năng như Khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, khu đô thị suối khoáng nóng, khu bảo tồn, khu vui chơi giải trí và khu đô thị dịch vụ sân golf.

Bên cạnh đó, Hòa Phát đã đề xuất Quảng Ngãi bổ sung gần 1.700 ha đất ở Khu Kinh tế Dung Quất để doanh nghiệp làm dự án Nhà máy sản xuất hợp kim sắt, mở rộng dự án Nhà máy Hòa Phát Dung Quất 2, đầu tư dự án Hòa Phát Dung Quất 3, Khu dân cư đô thị hỗn hợp phục vụ tái định cư cho các dự án,...

Petrosetco (PET) ước đạt lợi nhuận 2021 cao nhất trong vòng 10 năm, vượt 44% kế hoạch đề ra

Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, mã chứng khoán: PET) vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh năm 2021 với doanh thu thuần hợp nhất đạt 16.800 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với cùng kỳ năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 360 tỷ đồng; tăng trưởng 74% so với cùng kỳ năm 2020. Đây cũng là kết quả lợi nhuận cao nhất của công ty kể từ năm 2012.

Như vậy, so sánh với kế hoạch đề ra, chỉ tiêu doanh thu đạt 112% và lợi nhuận trước thuế đạt 144%. Trong đó, ước tính riêng tháng 12 doanh thu đạt 1.348 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 33 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 35% và 154% so với cùng kỳ năm 2020.

Trước đó, Petrosetco ghi nhận kết quả hợp nhất lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 với doanh thu đạt 11.485 tỷ đồng và LNTT đạt gần 238 tỷ đồng. Như vậy, tính riêng trong quý 4/2021, doanh nghiệp ước đạt 5.315 tỷ đồng và LNTT ước đạt 122 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng lần lượt 27% và 103% so với cùng kỳ 2020.

Cổ phiếu HHV của Giao thông Đèo Cả sẽ giao dịch trên HoSE từ 20/1, giá chào sàn 25.660 đồng/cp

Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh vừa thông báo về việc niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu. Theo đó toàn bộ 267.384.090 cổ phiếu HHV của CTCP Đầu tư hạ tầng Giao thông Đèo Cả sẽ được niêm yết và chính thức giao dịch trên HoSE từ 20/1/2022. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên 25.660 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu HHV của Giao thông Đèo Cả đăng ký giao dịch trên Upcom từ tháng 12/2015. Trong năm 2021 vừa qua cũng có nhiều biến động. Giá cổ phiếu những ngày cuối năm 2021 đã vượt mức 27.000 đồng/cổ phiếu, trong khi trong năm có lúc xuống sát vùng giá 14.000 đồng/cổ phiếu.

HHV giao dịch phiên cuối cùng trên Upcom ngày 6/1/2022. Và cả 3 phiên giao dịch cuối cùng trên Upcom cổ phiếu HHV đều tăng, đóng cửa phiên ngày 6/1/2022 ở mức 28.000 đồng/cổ phiếu.

Bamboo Airways tăng tần suất và mở nhiều đường bay quốc tế từ tháng 1/2022

Trên cơ sở Chính phủ đồng ý kế hoạch khôi phục các chuyến bay quốc tế thường lệ chở khách bắt đầu từ 1/1/2022, Bamboo Airways đã chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch, nguồn lực để khai thác loạt đường bay quốc tế đến các thị trường khách trọng điểm của Việt Nam.

Cụ thể, từ tháng 1/2022, Bamboo Airways sẽ khai thác các đường bay thường lệ tới Đài Loan (tần suất 2 chuyến khứ hồi/tuần), Nhật Bản (tần suất 2 chuyến khứ hồi/tuần), Hàn Quốc (tần suất 1 chuyến khứ hồi/tuần).

Tiếp đó, Hãng cũng sẽ triển khai các đường bay thường lệ tới Singapore (tần suất 2 chuyến khứ hồi/tuần), Úc (tần suất 2 chuyến khứ hồi/tuần), Đức (tần suất 2 chuyến khứ hồi/tuần) và Vương quốc Anh (tần suất 1 chuyến khứ hồi/tuần).

Bamboo Airways cũng đang gấp rút hoàn thiện công tác chuẩn bị để sẵn sàng mở rộng các đường bay thường lệ đến Lào, Thái Lan, Campuchia (tần suất 1 chuyến khứ hồi/tuần) và đặc biệt là Mỹ (đường bay TP HCM – San Francisco/Los Angeles với tần suất ban đầu dự kiến 5 chuyến/tuần) ngay khi các điều kiện cho phép.

Đại diện Bamboo Airways cho biết, bên cạnh việc kịp thời đáp ứng nhu cầu về quê đón Tết của kiều bào cũng như nhu cầu giao thương, đi lại giữa các quốc gia, nỗ lực này cũng được kỳ vọng sẽ góp phần duy trì và củng cố sự hiện diện của các hãng bay Việt Nam trên các đường bay quốc tế trọng yếu.

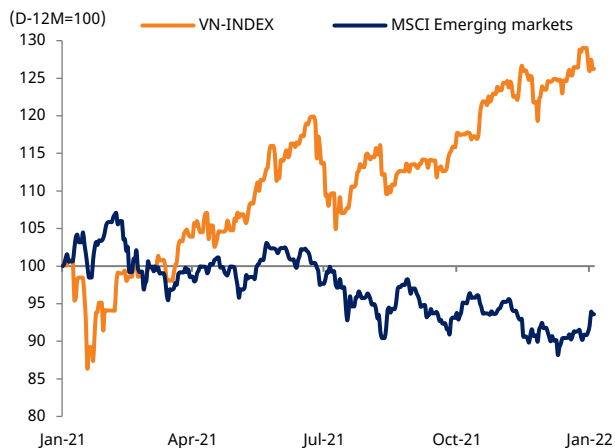
HBC đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 420 tỷ đồng

Ngày 12/01, HĐQT HBC vừa thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2022.

Cụ thể trong đó, HBC dự kiến doanh thu năm 2022 đạt khoảng 20,000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến ở mức 420 tỷ đồng. So với kế hoạch đề ra cho 2021, các chỉ tiêu năm 2022 lần lượt tăng trưởng 48% và 79%.

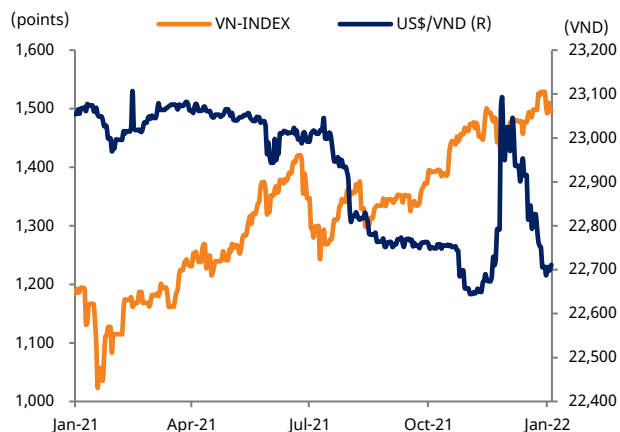
Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, HBC ghi nhận doanh thu thuần đạt 7,536 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính tăng vọt lên gần 88 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Ngược lại, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp đồng loạt giảm 9% và 27%, xuống còn 225 tỷ đồng và 231 tỷ đồng. Kết quả, “ông lớn” ngành xây dựng báo lãi ròng 9 tháng đạt gần 81 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



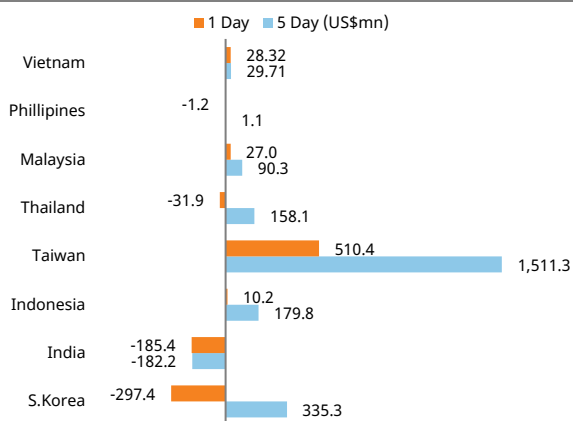
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



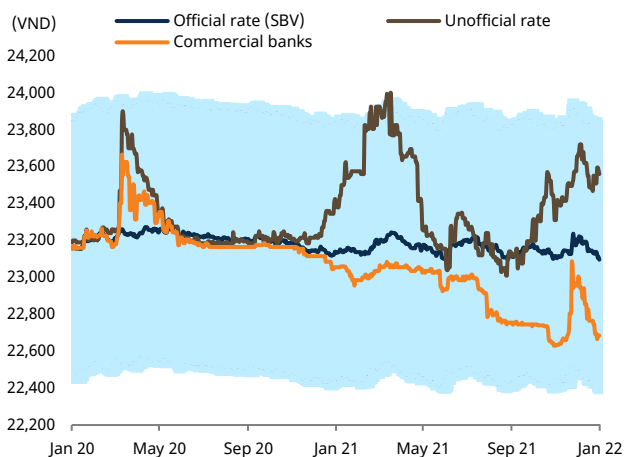
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



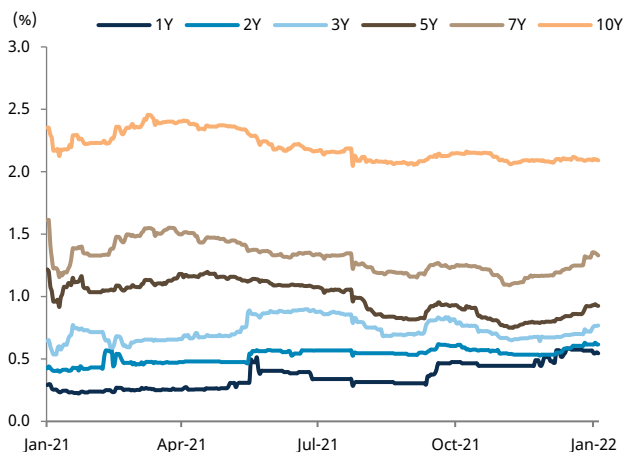
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



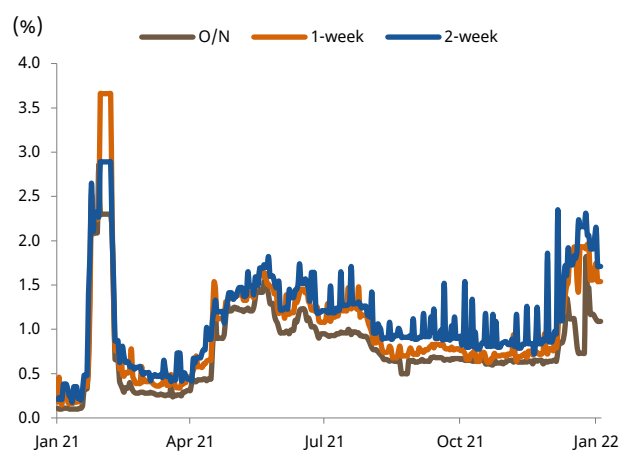
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,523.57	4,017,058		-0.2	-0.6	0.5	30.3	14.7	12.4	2.6	2.2	34.8	18.7	22.8	20.3
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,050	89,299	30.0	-0.9	-0.8	-0.8	38.4	9.3	7.2	2.0	1.6	26.8	28.9	23.9	24.2
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,250	223,840	16.7	0.6	12.9	22.9	13.9	24.4	18.4	2.6	2.4	57.9	32.4	13.1	15.3
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,200	40,234	26.4	0.4	-2.5	-7.4	-22.6	21.8	18.3	1.9	1.7	18.6	19.0	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,450	170,364	25.7	0.9	6.8	9.4	16.9	12.2	8.8	1.8	1.5	2.1	37.9	15.6	19.2
CTCP FPT	FPT VN	91,300	82,852	49.0	-0.9	-2.2	-4.6	58.1	19.7	16.1	4.2	3.8	29.4	22.7	24.0	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	105,500	201,922	2.8	0.5	-1.9	7.4	14.5	20.7	17.1	4.1	3.7	26.3	21.6	19.7	22.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	35,700	142,800	0.5	0.6	-7.3	-6.4	9.3	31.2	28.3	#N/A	#N/A	21.4	10.2	9.4	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	30,600	61,574	17.2	-0.6	1.0	3.4	42.7	10.6	9.5	2.1	1.7	35.1	11.3	20.9	19.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,250	206,873	23.7	-1.0	1.0	-3.0	40.5	5.5	6.4	2.1	1.6	197.0	-14.8	45.3	29.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	53,500	34,397	32.7	0.0	-5.5	10.3	78.3	30.8	22.8	3.5	3.2	-7.3	35.2	13.5	15.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	29,650	112,027	23.2	-0.2	3.7	5.0	51.6	9.6	8.0	1.8	1.5	41.1	19.5	21.7	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	144,800	170,941	31.5	0.0	-6.0	-7.8	56.9	27.5	27.7	7.8	6.1	399.1	-0.7	29.1	22.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	134,000	95,520	49.0	-1.1	-1.1	-1.0	57.2	20.9	15.1	4.8	3.8	11.0	38.4	26.6	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	82,000	158,295	7.5	-1.8	-5.1	-5.0	96.0	39.4	37.5	5.2	4.6	-6.9	5.0	13.8	13.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	91,800	45,236	3.0	1.4	-1.3	-0.8	101.4	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,000	69,883	17.2	1.5	-2.3	0.9	-2.1	25.4	17.6	3.0	3.0	215.6	44.6	14.7	16.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	93,900	21,350	47.2	-0.2	0.0	-2.4	14.4	22.5	15.4	3.8	3.2	-3.3	46.2	18.4	22.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	17,700	41,451	2.8	4.7	-12.2	6.6	24.6	19.2	17.1	1.3	1.2	-7.8	12.5	7.3	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	151,900	97,411	62.6	0.6	-0.8	-0.6	-25.9	27.4	22.8	4.4	3.9	-22.4	20.5	17.4	19.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	48,700	47,840	38.4	-0.3	-5.6	-7.6	108.5	21.3	23.3	#N/A	#N/A	76.5	-8.4	17.7	13.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	35,000	65,983	17.8	2.0	9.5	24.6	74.1	23.5	19.1	1.9	1.7	19.6	22.9	10.0	11.4
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,750	174,668	22.5	-1.5	0.6	-0.7	39.2	10.1	8.5	1.9	1.6	40.8	17.7	21.1	19.9
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	41,900	66,276	29.3	-0.6	2.2	12.0	104.6	14.0	11.4	2.6	2.1	18.9	22.2	21.2	20.2
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	83,400	394,692	23.6	1.8	4.5	7.2	2.4	19.3	15.8	3.5	2.7	23.2	22.2	20.5	20.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	82,200	357,929	23.6	0.0	-3.7	0.1	7.3	10.1	10.1	2.9	2.3	26.9	0.7	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	98,900	376,336	13.7	0.1	-3.2	-3.5	0.8	101.6	71.5	4.1	3.9	-35.3	42.2	4.2	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	122,000	66,077	16.4	0.0	-1.5	-1.6	-6.7	410.8	35.7	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	84,700	177,019	54.4	1.9	-0.6	-1.9	-25.1	17.3	16.4	5.3	5.1	2.6	5.8	33.0	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	34,850	154,925	15.2	-1.1	0.7	-0.4	70.5	12.3	10.3	1.8	1.6	19.9	19.4	17.7	16.0
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,400	78,168	30.1	1.8	-1.0	13.9	-6.0	47.1	29.4	2.5	2.4	-30.3	60.2	5.5	8.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-32.46	5,838,488	0.0	-2.1	1.4	26.0	17.5	13.8	2.7	2.3	33.8	26.2	19.5	19.4
Ô tô và phụ tùng	-0.13	9,144	-1.2	-5.0	-5.6	26.4	7.0	5.8	1.2	1.1	20.5	22.2	10.4	11.4
Ngân hàng	17.33	1,851,892	0.0	3.6	7.6	35.6	13.4	10.8	2.1	1.7	31.9	23.4	17.5	17.6
Xây dựng cơ bản	-10.53	337,437	0.0	-10.1	7.1	117.2	13.4	11.0	0.5	0.4	26.8	34.6	8.1	8.5
May mặc và trang sức	-0.37	48,633	0.2	-2.5	-2.2	53.3	16.0	11.4	2.2	1.9	11.6	38.9	13.0	15.6
Dịch vụ tiêu dùng	-0.09	9,064	-1.5	-2.6	-1.9	15.4	#N/A	19.3	#N/A	#N/A	186.8	#N/A	-8.7	2.6
Dịch vụ tài chính	-4.66	175,008	-0.5	-9.1	-8.7	136.9	9.1	6.7	#N/A	#N/A	80.7	-8.4	15.8	12.4
Năng lượng	-0.67	95,084	1.2	-2.5	1.6	10.8	45.5	17.3	2.5	2.5	161.8	#N/A	12.1	13.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-5.39	582,811	0.8	-3.2	-3.0	11.1	20.4	18.0	4.8	4.1	139.3	7.6	22.4	20.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.10	4,030	-0.2	-7.5	-3.7	64.2	10.0	13.1	#N/A	#N/A	40.4	-23.7	11.9	10.0
Bảo hiểm	-0.31	54,071	0.2	-2.1	-6.8	-8.5	18.0	15.2	1.6	1.4	20.0	18.7	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	-5.55	529,090	-0.8	-3.5	-5.4	48.2	13.5	12.5	1.3	1.0	124.6	2.0	26.8	20.2
Giải trí và truyền thông	0.00	1,757	-0.5	0.9	14.2	-20.6	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Dược phẩm	-0.34	32,295	1.6	-3.7	-10.5	9.5	11.9	10.2	2.0	1.8	5.6	15.1	11.1	11.4
Bất động sản	-16.25	1,362,140	-0.1	-4.1	2.0	35.9	63.7	28.6	2.8	2.5	-1.4	26.3	12.8	12.9
Bán lẻ	-0.37	110,116	-0.6	-1.2	-1.0	61.9	19.9	14.6	4.5	3.6	86.4	38.1	24.4	26.0
Phần mềm và dịch vụ	-0.66	89,484	-0.9	-2.7	-5.1	57.6	18.3	15.0	3.9	3.6	29.4	22.7	22.3	23.4
Thiết bị và phần cứng	-0.05	10,873	1.2	-1.6	-0.6	201.8	20.3	14.8	6.7	4.9	95.3	36.8	29.7	29.3
Dịch vụ viễn thông	-0.02	2,531	4.4	-3.1	11.0	256.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Vận tải	-1.75	197,248	-0.6	-3.0	-1.6	17.8	87.5	83.2	0.6	0.6	65.5	479.1	-175.8	64.1
Tiện ích	-3.06	312,430	1.0	-3.4	5.8	17.6	17.9	14.5	2.9	2.7	17.3	21.1	14.5	16.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	44,250	12.9	5,683,120	6.8
VCB VN	83,400	4.5	1,581,220	4.5
CTG VN	35,450	6.8	14,506,040	2.9
STB VN	35,000	9.5	38,208,020	1.5
MBB VN	29,650	3.7	15,057,200	1.1
HPG VN	46,250	1.0	15,562,960	0.5
TPB VN	41,900	2.2	10,171,780	0.4
VPB VN	34,850	0.7	11,044,580	0.3
SJS VN	90,400	11.6	217,520	0.3
SHB VN	22,500	1.8	14,099,120	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	82,200	-3.7	6,571,520	-3.7
VIC VN	98,900	-3.2	2,092,140	-3.3
GVR VN	35,700	-7.3	3,443,700	-3.0
MSN VN	144,800	-6.0	862,800	-2.9
DIG VN	96,600	-17.5	8,938,440	-2.7
NVL VN	82,000	-5.1	2,655,360	-2.3
POW VN	17,700	-12.2	33,594,300	-1.5
FLC VN	16,100	-28.6	58,731,460	-1.2
GEX VN	44,100	-10.0	28,647,780	-1.1
GAS VN	105,500	-1.9	887,740	-1.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.